

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NÂNG XẾP HẠNG
CHỈ SỐ CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

(Kèm theo Công văn số 1083/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tư pháp)

I. GIỚI THIỆU VỀ CHỈ SỐ CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

1. Giới thiệu chung

1.1. Chi phí tuân thủ pháp luật theo Tài liệu hướng dẫn này được hiểu là các chi phí mà doanh nghiệp, người dân phải gánh chịu trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật. Chi phí tuân thủ pháp luật bao gồm:

(1) Chi phí hành chính: chi phí về nhân công và thời gian mà doanh nghiệp, người dân phải gánh chịu để thực hiện các yêu cầu của pháp luật, bao gồm thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan nhà nước và các nghĩa vụ khác (ví dụ, lưu giữ thông tin hoặc cung cấp thông tin cho khách hàng, người tiêu dùng...).

(2) Chi phí đầu tư để tuân thủ quy định: chi phí mà doanh nghiệp, người dân phải đầu tư về cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, nhân công, đào tạo,... để đáp ứng các yêu cầu theo quy định pháp luật.

(3) Phí, lệ phí: các khoản phí, lệ phí chính thức mà doanh nghiệp, người dân phải nộp trong quá trình thực hiện các thủ tục có liên quan.

(4) Chi phí rủi ro pháp lý (nếu có): chi phí tăng thêm, thiệt hại hoặc mất cơ hội kinh doanh mà doanh nghiệp, người dân phải gánh chịu do chất lượng kém của quy định pháp luật dẫn đến bị xử phạt hoặc chậm trễ trong giải quyết thủ tục.

(5) Chi phí không chính thức: Các khoản trả thêm hoặc “lót tay” liên quan đến việc xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng dịch vụ công cộng (ví dụ: điện thoại, điện năng), trả thuế, ... hoặc để được nhận các hợp đồng, giấy phép trong lĩnh vực công hoặc để có được các quyết định thuận lợi.

1.2. Chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (gọi tắt là chỉ số B1) là một trong những chỉ số nằm trong mục Quản trị theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới (World Economic Forum - WEF) được thể hiện thông qua chỉ số: “Burden of government regulation”.

Chỉ số B1 có thể được hiểu là chỉ số tổng hợp ý kiến cảm nhận (thông qua trả lời câu hỏi khảo sát) về mức độ tạo thuận lợi hay gây khó khăn cho doanh

nghiệp trong tuân thủ những quy định của pháp luật (làm phát sinh chi phí tuân thủ pháp luật: chi phí hành chính; chi phí đầu tư để tuân thủ quy định; phí, lệ phí; chi phí rủi ro pháp lý; chi phí không chính thức), được xếp theo thang bậc đánh giá tính từ mức 01 (kém nhất) đến mức 07 (tốt nhất).

Đối tượng và số lượng doanh nghiệp tiến hành khảo sát để xếp hạng chỉ số B1 là các doanh nghiệp được phân bổ theo tỉ trọng đóng góp vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của 03 ngành Nông nghiệp, Công nghiệp và Dịch vụ của năm trước đó. Các doanh nghiệp được khảo sát phải phù hợp tiêu chí rõ ràng được Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) đặt ra (ví dụ: doanh nghiệp phải có từ 20 lao động trở lên, phải theo cơ cấu vùng miền phù hợp, trong số doanh nghiệp được phân bổ theo tỉ trọng đóng góp vào GDP). Thời gian Diễn đàn kinh tế thế giới khảo sát thường bắt đầu từ tháng 11 của năm trước đến tháng 5 của năm sau. Việc khảo sát được tiến hành theo phương thức gửi bảng hỏi tới các doanh nghiệp được lựa chọn thuộc đối tượng phù hợp nêu trên, các doanh nghiệp trả lời trực tiếp bảng hỏi khảo sát qua mạng internet (khảo sát online).

Chỉ số B1 là một trong những chỉ số quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh vì nếu gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật mà các doanh nghiệp phải gánh chịu lớn do quy định pháp luật phức tạp, đặt ra nhiều yêu cầu, điều kiện, do mức phí và lệ phí không hợp lý thì sẽ tạo ra chi phí hành chính, chi phí đầu tư, phí và lệ phí cao; quy định pháp luật không rõ ràng, không khả thi sẽ tạo thêm chi phí cơ hội và chi phí không chính thức cho các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nếu việc tổ chức thi hành pháp luật không tốt sẽ làm gia tăng chi phí hành chính, chi phí không chính thức hoặc chi phí rủi ro pháp lý, làm mất cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này gây tổn kém cho doanh nghiệp, cản trở các doanh nghiệp đầu tư, hạn chế năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, cản trở phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tình hình xếp hạng năng lực cạnh tranh và chỉ số B1 của Việt Nam năm 2018

Năm 2018, theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) xếp hạng môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của Việt Nam ở mức trung bình khá trên bình diện quốc tế (xếp thứ hạng 69/190 về môi trường kinh doanh, thứ hạng 77/140 về năng lực cạnh tranh). Trong khu vực ASEAN, Việt Nam hiện chưa được xếp vào nhóm 04 nước dẫn đầu (Việt Nam đứng thứ 05 về môi trường kinh doanh, thứ 07 về năng lực cạnh tranh). Bên cạnh một số chỉ số có mức cải thiện thứ hạng nhanh, vẫn còn nhiều chỉ số cải thiện thứ hạng còn chậm. Báo cáo kinh tế toàn cầu năm 2018 của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) đã xếp thứ hạng chỉ số B1 của Việt Nam tương đối thấp, đứng thứ 96/140 nước.

II. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA, MỤC TIÊU CỦA VIỆC NÂNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ B1

1. Mục đích, ý nghĩa

1.1. Cắt giảm triệt để các chi phí không hợp lý trong tuân thủ quy định pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh, ngăn chặn và đẩy lùi các hành vi làm phát sinh chi phí không chính thức cho doanh nghiệp, qua đó, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho các doanh nghiệp, góp phần cải thiện chỉ số B1, cải thiện năng lực cạnh tranh theo chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0 (GCI 4.0), nâng cao thứ hạng trong các xếp hạng của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) về năng lực cạnh tranh.

1.2. Thông qua việc cải thiện chỉ số B1, các Bộ, cơ quan, địa phương sẽ có điều kiện xem xét, đánh giá đúng thực trạng về các chi phí tuân thủ pháp luật hiện nay. Trên cơ sở đó sẽ tính toán được lợi ích mang lại của chỉ số B1 cho các doanh nghiệp (giảm thiểu được các chi phí), tạo thuận lợi và giảm gánh nặng của chi phí B1 đối với các doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội.

1.3. Đề xuất được những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật hiện nay.

2. Mục tiêu nâng xếp hạng chỉ số B1

Từ năm 2019 đến năm 2021, hướng đến mục tiêu đạt được kết quả nâng xếp hạng chỉ số B1 lên từ 5 – 10 bậc, cụ thể:

- Năm 2019 tăng ít nhất 2 bậc.
- Năm 2020 tăng lên từ 3 - 5 bậc.
- Năm 2021 tăng lên từ 5 – 10 bậc.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ ĐỂ GIẢM CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, NÂNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ B1

Để giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho các doanh nghiệp (các chi phí đã nêu tại mục 1 phần I tài liệu hướng dẫn), bảo đảm đạt được mục tiêu nâng xếp hạng chỉ số B1 của Việt Nam, góp phần cải thiện năng lực cạnh tranh theo chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0 (theo GCI 4.0), trước mắt Bộ Tư pháp hướng dẫn tập trung thực hiện ngay một số nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật, cụ thể sau đây:

1. Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế để giảm chi phí tuân thủ pháp luật

1.1. Các Bộ, ngành, địa phương cần đánh giá đúng, thực chất gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật mà các doanh nghiệp đã, đang và sẽ tiếp tục gặp phải

trong quá trình thực hiện, chấp hành các quy định pháp luật, qua đó, tiếp tục khẩn trương thực hiện rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định không rõ ràng, không cụ thể, không khả thi, cản trở điều kiện đầu tư kinh doanh, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, trong đó đặc biệt quan tâm, chú trọng đến việc bãi bỏ các quy định tạo ra chi phí tuân thủ pháp luật về gia nhập thị trường và chi phí tuân thủ pháp luật về xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.

1.2. Các Bộ, ngành kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính trên tinh thần quán triệt và tuân thủ triệt để các yêu cầu, tiêu chí đặt ra trong các nghị quyết của Chính phủ; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018; Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019.

1.3. Bộ Tư pháp, tổ chức pháp chế các Bộ, ngành và các cơ quan tư pháp địa phương tiếp tục nâng cao chất lượng thẩm định trong hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo không có các quy định mới chứa đựng các yêu cầu không cần thiết, bất hợp lý, cản trở điều kiện đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, giảm thiểu chi phí tuân thủ pháp luật trong các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

1.4. Bộ Tài chính rà soát, đánh giá toàn bộ các quy định về phí, lệ phí mà các doanh nghiệp đang phải gánh chịu, nếu có những quy định gây khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, làm tăng chi phí tuân thủ pháp luật thì sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, đánh giá toàn bộ các quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành, đề xuất lên Hội đồng nhân dân cùng cấp phương án giảm phí, lệ phí phù hợp với quy định pháp luật.

1.5. Tạo sự liên thông giữa hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật với hoạt động tổ chức thực thi pháp luật, theo đó, các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao thường xuyên, kịp thời phối hợp chặt chẽ với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội doanh nghiệp rà soát, cập nhật để nắm bắt, tổng hợp các quy định của pháp luật có nội dung chưa rõ, khó hiểu, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc thiếu khả thi, đồng thời, rà soát tổng hợp các quy định pháp luật không rõ ràng, thiếu tính minh bạch, khó tuân thủ, bất hợp lý để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ.

2. Tổ chức thi hành pháp luật trên tinh thần hướng đến ngày càng giảm bớt chi phí tuân thủ pháp luật cho cộng đồng doanh nghiệp

2.1. Các quy định pháp luật phải được cập nhật và tuyên truyền, phổ biến thường xuyên, rộng rãi đến cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng doanh nghiệp

- Các Bộ, ngành, địa phương trong phạm vi trách nhiệm của mình, khẩn trương thực hiện công bố kịp thời, đầy đủ, công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về các điều kiện kinh doanh đã được bãi bỏ, các điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa, các nội dung sửa đổi, bổ sung, các quy định mới trong các lĩnh vực kinh doanh để làm phát sinh các chi phí không chính thức trong tuân thủ pháp luật (tập trung vào các lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng dịch vụ công cộng (ví dụ: điện thoại, điện năng...), trả thuế, ... để được nhận các hợp đồng, giấy phép trong lĩnh vực công...).

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, giải thích quy định của các văn bản pháp luật mới được ban hành để cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh; các doanh nghiệp nắm được các quy định mới của các văn bản pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh, quyền và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước và của doanh nghiệp để doanh nghiệp biết, tự bảo vệ mình trước các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu; phát động trong các doanh nghiệp thống nhất nhận thức, thái độ hành xử kiên quyết không “lót tay” cho cán bộ, công chức, viên chức, không chấp nhận chi những khoản chi phí “bôi trơn” để được hưởng những lợi ích, nhưng “ưu tiên” ngoài quy định của pháp luật.

Xây dựng, phát hành, tổ chức hướng dẫn sử dụng các tài liệu về tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Bộ, ngành, địa phương mình.

- Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và các cơ quan báo chí chủ động phối hợp các bộ, ngành, địa phương trong việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định pháp luật về đầu tư kinh doanh. Các Bộ, ngành, địa phương phối hợp cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tạo điều kiện để các cơ quan báo chí, truyền thông tác nghiệp.

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội doanh nghiệp phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các Bộ, ngành, địa phương trong việc tuyên truyền, giải thích cho doanh nghiệp về quyền và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước và của doanh nghiệp để doanh nghiệp biết, tự bảo vệ mình trước các hành vi nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức.

- Bộ Thông tin và truyền thông trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thường xuyên chỉ đạo, phối hợp các cơ quan thông tin, truyền thông thực hiện hiệu quả việc thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh.

2.2. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ các doanh nghiệp

Các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao:

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về những điểm mới (sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới) trong các quy định pháp luật về các điều kiện đầu tư kinh doanh, về cách thức, phương thức, kỹ năng thực thi các quy định nói trên bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng tinh thần của nội dung các quy định đó; tập huấn, bồi dưỡng cung cấp thông tin, kiến thức về pháp luật phòng, chống tham nhũng, khiếu nại, tố cáo và chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi hành công vụ; công khai, minh bạch chống nạn “lót tay” và nhận “lót tay” đối với tất cả cán bộ, công chức, viên chức ở mọi cấp chính quyền; hạn chế phát sinh khiếu nại, tố cáo trong thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp.

- Tổ chức quán triệt, nêu cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các hiệp hội doanh nghiệp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc cập nhật, bổ sung thông tin, nắm vững các quy định pháp luật mới, các kỹ năng, ứng dụng các công nghệ mới nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tiết kiệm, giảm bớt chi phí, tăng tính hiệu quả trong tuân thủ pháp luật.

- Thường xuyên, kịp thời công khai để doanh nghiệp biết, tạo cơ hội thuận lợi để cộng đồng doanh nghiệp tiếp cận tìm hiểu về các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, giải thích các điểm chưa rõ ràng, chưa cụ thể trong các quy định của pháp luật, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ pháp luật được đầy đủ, thuận lợi, tiết kiệm chi phí.

2.3. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật và khen thưởng trong tổ chức thực thi và tuân thủ pháp luật

Các Bộ, ngành, địa phương trong phạm vi trách nhiệm của mình:

- Thiết lập các hình thức đa dạng, linh hoạt trong tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp trong thực thi và tuân thủ pháp luật trực tiếp liên quan đến chi phí tuân thủ pháp luật, bảo đảm thuận lợi, dễ dàng trên tinh thần

cầu thị, lắng nghe, kịp thời ghi nhận, xử lý công khai, công bằng, nhanh chóng, khách quan, đúng thẩm quyền; chủ động tổ chức đối thoại với doanh nghiệp về các quy định của pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh để có các biện pháp chỉ đạo, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc mà doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị; trường hợp không giải quyết được cũng cần giải thích, thông tin trả lời rõ ràng, minh bạch.

- Thiết lập kênh thông tin đa dạng, thuận lợi, bảo mật thông tin về tổ chức, cá nhân khiếu nại, tố cáo để doanh nghiệp tự giác, kịp thời khiếu nại, tố cáo về những hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi pháp luật.

- Tăng cường chỉ đạo việc tổ chức tiếp nhận và tập trung giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp kịp thời, đúng quy định pháp luật. Người đứng đầu chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước các cấp phải dành thời gian tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, giải quyết hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, trong đó tập trung thanh tra, kiểm tra đội ngũ cán bộ, công chức thực thi công vụ ở cấp cơ sở và những lĩnh vực như xuất khẩu, nhập khẩu, thuế, sử dụng dịch vụ công cộng, xây dựng...; Kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm những đơn vị, cá nhân có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, tạo gánh nặng không đáng có cho doanh nghiệp; kịp thời động viên, biểu dương khen thưởng những cá nhân, tập thể gương mẫu, tiêu biểu trong việc thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm, hiệu quả các quy định của pháp luật, tạo thuận lợi và góp phần giảm thiểu chi phí tuân thủ pháp luật gia nhập thị trường, chi phí tuân thủ pháp luật về xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí tuân thủ pháp luật nói chung.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

- Công khai kết quả xử lý các vụ việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên các trang thông tin điện tử, trên các phương tiện thông tin, truyền thông phù hợp theo quy định.

2.4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

Các Bộ, cơ quan, địa phương trong phạm vi trách nhiệm của mình:

- Thực hiện nghiêm việc công khai các thủ tục hành chính, cập nhật thường xuyên các thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính về điều kiện đầu tư kinh doanh trên Cổng thông tin điện tử, tại trụ sở cơ quan nhà nước, hiệp hội, địa điểm sinh hoạt cộng đồng doanh nghiệp bảo đảm thuận tiện cho việc tìm hiểu, tra cứu, cập nhật thông tin đối với doanh nghiệp.

- Cải tiến quy trình giải quyết các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp theo hướng giảm chi phí nộp hồ sơ, nhận kết quả; rút ngắn thời gian; tăng mức độ trả kết quả đúng thời hạn, giảm thời gian đi lại cho doanh nghiệp.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thường xuyên rà soát, hạn chế tối đa các bất cập, những “lỗ hổng” dễ làm phát sinh tiêu cực đối với doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện và đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến; lựa chọn thủ tục hành chính đáp ứng đủ điều kiện để tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

2.5. Các nhiệm vụ, giải pháp khác

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thường xuyên chỉ đạo các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh đã bị bãi bỏ, những nội dung được đơn giản hóa của các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh; không tự đặt thêm điều kiện đầu tư kinh doanh trái quy định của pháp luật.

- Các Bộ, cơ quan, địa phương cần tiếp tục tăng cường, thúc đẩy chia sẻ dữ liệu trong nội bộ Bộ, ngành, địa phương mình và giữa các Bộ, ngành, địa phương; Thường xuyên quan tâm, chú trọng hơn nữa đến công tác phối hợp giữa các đơn vị hữu quan trong nội bộ Bộ, cơ quan, địa phương, giữa các cơ quan trung ương cùng cấp, giữa cơ quan trung ương và địa phương trong xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thực thi pháp luật, bảo đảm sự chính xác, thống nhất, đồng bộ, khả thi, hiệu quả trong quy định của các văn bản pháp luật và trong thực tiễn thi hành pháp luật hành đối với các doanh nghiệp.

IV. BIỂU MẪU BÁO CÁO (QUÝ VÀ NĂM) VỀ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIẢM CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, NÂNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ B1

Phụ lục 1: Mẫu Báo cáo về thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số B1

Phụ lục 2: Biểu mẫu kết quả xây dựng và hoàn thiện thể chế liên quan trực tiếp đến chi phí tuân thủ pháp luật./.

Số: /BC-.....²³, ngày tháng năm 2019

BÁO CÁO

Về thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số B1.....⁴

Thực hiện Công văn số 1083/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (chỉ số B1),⁵ báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số B1 Quý.../năm 2019 như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, NÂNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ B1⁶

1. Chỉ đạo triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số B1⁷

2. Về xây dựng, hoàn thiện thể chế để giảm chi phí tuân thủ pháp luật

Nêu cụ thể nội dung các công việc đã thực hiện về rà soát, cắt giảm các quy định pháp luật để giảm gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp: bao gồm đề án rà soát (nếu có); các dự thảo văn bản pháp luật sửa đổi và văn bản pháp luật đã tham mưu ban hành.

3. Về tổ chức thi hành pháp luật

3.1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng doanh nghiệp

3.2. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ các doanh nghiệp

¹ Tên của cơ quan lập báo cáo.

² Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

³ Địa danh ghi theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

⁴ Quý (ghi rõ Quý I, II, III, IV) hoặc năm 2019.

⁵ Tên của cơ quan lập báo cáo.

⁶ Số liệu báo cáo được tính theo thời điểm báo cáo (theo quý hoặc năm).

⁷ Đối với báo cáo định kỳ quý thì không phải báo cáo nội dung này.

3.3. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật và khen thưởng trong tổ chức thực thi và tuân thủ pháp luật

3.4. Về cải cách thủ tục hành chính

Nêu cụ thể các sáng kiến cải cách, cải tiến việc tổ chức thực thi các thủ tục hành chính đã rút ngắn thời gian, chi phí cho doanh nghiệp (nếu có).

3.5. Các nhiệm vụ, giải pháp khác

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, NÂNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ B1 VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc


2. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

2.1. Nguyên nhân chủ quan

2.2. Nguyên nhân khách quan

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên đây là báo cáo việc thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số B1.....⁸,⁹ gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Nơi nhận: 

- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT,

**QUYỀN HẠN VÀ CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ BÁO CÁO**

⁸ Thời gian thực hiện báo cáo định kỳ (quý hoặc năm).

⁹ Tên của cơ quan lập báo cáo.

Phụ lục 2

Biểu mẫu kết quả xây dựng và hoàn thiện thể chế trực tiếp liên quan đến chi phí tuân thủ pháp luật

(Kèm theo Báo cáo số:/BC-.... ngày/.....của...: (tên cơ quan lập báo cáo)

STT	Loại văn bản (Luật, Nghị định...)	Số lượng VBQPPL có quy định liên quan trực tiếp đến chi phí tuân thủ pháp luật	Số quy định mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không hợp lý, khả thi, không phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội	Tình trạng xử lý		Ghi chú
				Số quy định đã xử lý (Nếu cụ thể điều, khoản, điểm)	Số quy định chưa xử lý (Nếu cụ thể điều, khoản, điểm)	

